TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 12/01/2023
"V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp nợ họ*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hòa**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Xuân Tỵ;**

2. Bà **Lê Thị Thanh Nhàn.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đinh Duy Toàn –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Chung** – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp nợ họ*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Bà **Hoàng Thị Ph,** sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 45/51 đường 1/5, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph: Ông Lê Văn Kh, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 233/65 đường B, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2022)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trương Công Tr,** sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 45/51 đường 1/5, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr: Ông Lê Văn Kh, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 233/65 đường B, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2022).

4. Người làm chứng: Anh **Trương Công Đ**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 45/51 đường 1/5, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn bà Th có mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kh có mặt, người làm chứng anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2021, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày và yêu cầu như sau:

Do có mối quan hệ là hàng xóm nên vào khoảng tháng 10/2020 (âm lịch) bà Th có cho bà Hoàng Thị Ph vay số tiền 48.000.000 đồng, việc vay tiền giữa hai bên không lập giấy tờ, thời hạn cho vay thỏa thuận miệng là trong vòng 10 ngày, lãi suất không thỏa thuận, mục đích vay tiền bà Ph nói là về kinh doanh nhà máy chè.

Đến ngày 14/12/2020 bà Ph tiếp tục vay của bà Th số tiền 100.000.000 đồng, việc vay tiền giữa hai bên không lập giấy tờ, thời hạn cho vay thỏa thuận miệng là trong vòng 10 ngày, lãi suất không thỏa thuận, mục đích vay tiền bà Ph nói là về trả tiền công cho công nhân đang làm trong nhà máy chè của bà Ph.

Tổng số tiền bà Ph vay của bà Th là 148.000.000 đồng.

Ngoài hai số tiền trên thì bà Ph không vay số tiền nào khác của bà Th.

Cũng trong năm 2020 bà Th có mở 01 dây họ (thường gọi là huê, hụi), loại huê 3.000.000 đồng, dây huê gồm 15 chân (tương đương 15 người chơi), hình thức chơi huê là huê hoa hồng, thời gian bắt đầu chơi huê là ngày 10/02/2020 trong đó bà Ph có chơi 01 chân, đến tháng thứ 04 của dây huê thì bà Ph hốt được số tiền 30.500.000 đồng, bà Th đã giao toàn bộ số tiền hốt huê cho bà Ph nhận, sau khi hốt huê bà Ph có đóng huê chết cho bà Th được mấy tháng, còn từ thàng 01/2021 bà Ph không đóng tiền huê chết cho bà Th nên còn nợ bà Th số tiền huê là 18.000.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 20/4/2020 bà Th có mở 01 dây họ (thường gọi là huê, hụi) loại huê 5.000.000 đồng, dây huê gồm 12 chân (tương đương với 12 người chơi), bà Ph có chơi 01 chân và hốt huê vào tháng 08/2020 được số tiền 50.000.000 đồng, bà Th đã giao đủ số tiền trên cho bà Ph nhận, sau khi hốt huê bà Ph có đóng huê chết được mấy tháng còn từ tháng 01/2021 bà Ph không đóng huê chết cho bà Th nữa nên bà Ph còn nợ bà Th số tiền huê là 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền huê bà Ph còn nợ bà Th là 38.000.000 đồng. Ngoài số tiền nợ huê này thì bà Ph không còn nợ khoản tiền huê nào khác của bà Th nữa.

Sau đó bà Th có đòi bà Ph nhiều lần nhưng bà Ph không trả tiền nợ vay cũng như tiền nợ huê cho bà Th. Đến ngày 14/12/2020 âm lịch (tức ngày 26/01/2021 dương lịch) giữa bà Th và bà Ph có tiến hành đối chiếu và chốt nợ thì bà Ph có viết "giấy mượn tiền" xác nhận về việc nợ tiền nêu trên, theo nội dung giấy mượn tiền thể hiện bà Ph có mượn bà Th 148.000.000 đồng và nợ tiền huê là 38.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2021 bà Ph có trả cho bà Th được số tiền 19.000.000 đồng (được trừ vào số tiền nợ dây huê 5.000.000 đồng), việc trả tiền do ông Tr là người thực hiện, nên bà Ph còn nợ bà Th số tiền 167.000.000 đồng, trong đó tiền nợ vay là 148.000.000 đồng và tiền nợ huê là 19.000.000 đồng.

Do việc vay tiền và nợ huê khi bà Ph và ông Tr là vợ chồng và vẫn còn chung sống với nhau nên nay bà Th yêu cầu cả bà Ph và ông Tr cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Th tổng số tiền nợ là 167.000.000 đồng, trong đó tiền nợ vay là 148.000.000 đồng và tiền nợ huê là 19.000.000 đồng, bà Th không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bà Th không có yêu cầu gì khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Thị Ph và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Lê Văn Kh trình bày:

Bà Ph thừa nhận trong năm 2020 bà có vay tiền và chơi họ (thường gọi là huê, hụi) do bà Th làm chủ như bà Th trình bày trên là đúng. Tổng số tiền bà Ph còn nợ bà Th là 186.000.000 đồng, trong đó có 148.000.000 đồng là tiền nợ vay và 38.000.000 đồng tiền nợ huê theo "giấy mượn tiền" đề ngày 14/12/2020 (âm lịch) mà bà Th giao nộp trong hồ sơ vụ án là đúng. Bà Ph có hẹn khi nào bán đất được sẽ trả tiền cho bà Th. Ngày 25/8/2021 bà có nhờ con trai là Trương Công Đ trả cho bà Th số tiền 19.000.000 đồng, bà Ph đồng ý trừ vào số tiền nợ huê của bà Th. Số tiền còn lại do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay bà Ph vẫn chưa trả tiền cho bà Th được. Nay bà Ph đồng ý có trách nhiệm trả bà Th tổng số tiền nợ là 167.000.000 đồng, trong đó tiền nợ vay là 148.000.000 đồng và tiền nợ huê là 19.000.000 đồng, không trả lãi.

Toàn bộ số tiền nợ này bà Ph dùng để trả nợ cho người khác chứ không chi tiêu cho gia đình hay kinh doanh nhà máy chè vì năm 2020 do tình hình dịch Covid nên nhà máy chè không kinh doanh được cũng không có liên quan đến ông Tr nên bà Ph đồng ý một mình có trách nhiệm trả tiền cho bà Th.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công Tr và người đại diện theo ủy quyền của ông Tr là ông Lê Văn Kh trình bày:

Ông Trương Công Tr thừa nhận trước đây ông và bà Ph là vợ chồng nhưng từ khoảng năm 2012- 2013 đến nay thì ông và bà Ph không còn chung sống với nhau nữa, ông sống ở Bảo Lộc, còn bà Ph sống ở Lộc Bảo, về cuộc sống và làm ăn kinh tế cũng riêng biệt nhau, ông không biết việc bà Ph vay tiền và chơi huê của bà Th, số tiền vay và chơi huê bà Ph sử dụng vào việc gì ông không biết, bà Th và Phúc cũng không thông báo gì với ông. Ngày 25/8/2021 ông không trả số tiền 19.000.000 đồng cho bà Th như bà Th đã trình bày ở trên vì ông không biết nội dung vay tiền giữa hai bên. Do vợ chồng đã không sống với nhau từ lâu nên đến ngày 06/12/2021 ông và bà Ph đã giải quyết không công nhận là vợ chồng, quá trình giải quyết không công nhận là vợ chồng ông cũng không thấy bà Ph nhắc gì đến các khoản nợ này, việc vay tiền và chơi huê là do bà Ph tự thực hiện nên nay ông không đồng ý có trách nhiệm cùng bà Ph trả nợ cho bà Th.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng anh Trương Công Đ trình bày:

Anh là con trai bà Hoàng Thị Ph và ông Trương Công Tr. Vào ngày 28/5/2021 anh có thay mẹ anh là bà Hoàng Thị Ph trả tiền cho bà Th với số tiền 19.000.000 đồng, số tiền này là của mẹ anh (bà Ph) nhờ anh mang trả cho bà Th còn về nội dung mẹ trả tiền gì cho bà Th thì anh không biết.

Đối với vụ kiện của bà Th với bố mẹ anh thì anh cũng không biết cụ thể như thế nào.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến không có thay đổi gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án như sau: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 và 471 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với bà Hoàng Thị Ph. Buộc bà Hoàng Thị Ph có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền nợ là 167.000.000 đồng, trong đó có nợ vay là 148.000.000 đồng và nợ huê là 19.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc: Buộc ông Trương Công Tr có nghĩa vụ liên đới cùng bà Hoàng Thị Ph trả cho bà Th số tiền 167.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Hoàng Thị Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện đòi số tiền cho vay và tiền nợ họ (huê, hụi) đối với bà Hoàng Thị Ph và ông Trương Công Tr. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp nợ họ theo quy định tại Điều 463 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại số 45/51, đường 1/5, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đề nghị đưa anh Trương Công Đ (là con trai của bà Ph, ông Tr) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, xét thấy anh Đ không có liên quan gì và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án nên Tòa án không xác định tư cách tố tụng của anh Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà xác định anh Đ tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người làm chứng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th:

Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bà Hoàng Thị Ph, ông Trương Công Tr trả số tiền nợ vay là 148.000.000 đồng và tiền nợ họ là 19.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía bà Hoàng Thị Ph thừa nhận vào ngày 14/12/2020 (âm lịch) bà có viết giấy mượn số tiền 148.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Th và có nợ bà Th số

tiền 38.000.000 đồng tiền huê, hẹn trong vòng 15 ngày sẽ trả. Trong quá trình nợ tiền bà Ph đã nhờ con trai là Trương Công Đ trả cho bà Th số tiền 19.000.000 đồng, số tiền này bà Ph thống nhất trừ vào tiền nợ huê theo ý kiến của bà Th.

Do số tiền nợ trên một mình bà Ph mượn và nợ tiền nên nay bà Ph đồng ý có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền nợ vay là 148.000.000 đồng và số tiền nợ huê còn lại là 19.000.000 đồng.

Như vậy giữa bà Th và bà Ph đã thống nhất được số tiền nợ, bị đơn bà Hoàng Thị Ph cũng đồng ý trả tiền nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trương Công Tr có nghĩa vụ liên đới cùng bà Hoàng Thị Ph trả số tiền nợ nêu trên cho nguyên đơn thì thấy rằng ông Tr không đồng ý liên đới cùng bà Ph có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì ông cho rằng, việc giao dịch vay tiền, chơi hụi giữa bà Ph và bà Th, ông hoàn toàn không biết do bà Ph và bà Th không nói cho ông biết. Mục đích bà Ph vay tiền, nợ tiền hụi của bà Th để làm gì thì ông cũng không biết. Quá trình giải quyết vụ án bà Th cũng trình bày khoảng 02-3 năm gần đây thì ông Tr đã không cùng làm nhà máy chè với bà Ph mà ông về Bảo Lộc sinh sống, thỉnh thoảng có vào Lộc Bảo phụ bà Ph một, hai bữa rồi lại về nhưng đó chỉ là lời trình bày của bà Th không được bà Ph và ông Tr thừa nhận, bà Th cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc ông Tr có liên quan đến số nợ trên. Còn ông Tr, bà Ph do người đại diện theo ủy quyền trình bày ông Tr và bà Ph thực chất đã không còn chung sống từ khoảng năm 2012-2013 cho đến nay, mỗi người sống một nơi.

Về mục đích vay tiền theo bà Th trình bày là bà Ph vay tiền để kinh doanh nhà máy chè, trả tiền công cho công nhân trong nhà máy nhưng bà Ph không thừa nhận, bà Th cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà Th sử dụng tiền vay và tiền huê để chi tiêu cho nhu cầu thiết yêu của gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 ... của Luật này."*. Tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình."*. Và tại khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định: *"Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình"*.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch do bà Ph thực hiện không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nên số tiền mà bà Th khởi kiện không phải là nợ chung của vợ chồng bà Ph, ông Tr mà là nợ riêng của bà Ph. Do đó, lời trình bày của ông Tr là có cơ sở, nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu ông Tr có nghĩa vụ liên đới cùng bà Ph trả tiền cho bà Th.

[2.2]. Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 3, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Hoàng Thị Ph có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 167.000.000đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng), trong đó tiền nợ vay là 148.000.000 đồng và tiền nợ huê là 19.000.000 đồng, không tính lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc: Buộc ông Trương Công Tr có nghĩa vụ liên đới cùng bà Hoàng Thị Ph trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 167.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Hoàng Thị Ph phải chịu 8.350.000đ (Tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Th không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.175.000 đồng theo biên lai thu số 0005078 ngày 30/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND TP. Bảo Lộc;
+ T.H.A thành phố Bảo Lộc;
+ T.H.A huyện Bảo Lâm;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hòa